

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK HÀ
TỈNH KON TUM**

Số: 110/2018/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Hà, ngày 01 tháng 10 năm 2018.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 127/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018, giữa: Người yêu cầu chị Trần Thị A với người yêu cầu anh Đỗ Bá T. Địa chỉ: Cùng trú tại thôn A, xã M, huyện H, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị A với anh Đỗ Bá T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị A với anh Đỗ Bá T thỏa thuận thuận tình ly hôn;

- Về con chung: Giao cháu Đỗ Đức H, sinh ngày 11/5/2001, cháu Đỗ Đức M, sinh ngày 01/02/2006 và cháu Đỗ Đức Đ, sinh ngày 15/01/2015 cho chị Trần Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh Đỗ Bá T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng)/1 cháu/1 tháng, tổng tiền cấp dưỡng cho 03 cháu là 1.500.000đ/1 tháng kể từ ngày 01/10/2018 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật mà bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian

chậm trả; Lãi suất do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản, nợ nần: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về lệ phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 144, khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 4, Điều 6, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Lệ phí dân sự sơ thẩm (Thuận tình ly hôn) là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) các đương sự thỏa thuận anh Đỗ Bá T chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh Đỗ Bá T đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2010/0009457, ngày 14/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Hà; anh T đã nộp đủ Lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Thi hành án dân sự huyện Đắk Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Vũ Thị Hồng Dung